

## TẠI HÀ NỘI

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 27 - 4 - 2022

## NHÂN DANH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Các Thẩm phán:*

Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên

Ngày 27/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ án số: 135/2022/TLPT-HS ngày 07/02/2022 do có kháng cáo của bị cáo Thò Mí với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2021/HS-ST ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

\* Bị cáo có kháng cáo:

**Thò Mí A**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1988, tại Hà Giang;

Nơi cư trú: Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Dũng C (đã chết) và bà Già Thị C1, sinh năm 1993; có vợ là Già Thị C2, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 06/HS-ST ngày 12/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện B, Hà Giang đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tham ô tài sản";

- Tại Bản án số 06/2009/HS-ST ngày 25/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do他人 khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt của Bản án số 06/HS-ST ngày 11/2008 buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của 2 bản án là 21 tháng tù;

- Tại Bản án số 01/2010/HS-ST ngày 05/02/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam

giữ”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 06/2009/HS-ST ngày 25/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 24 tháng 29 ngày (đã thi hành xong bản án);

- Tại Bản án số 01/2014/HS-ST ngày 15/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện B3, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong bản án);

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/4/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

\* *Người phiên dịch tiếng Mông cho bị cáo:* Bà Sùng Thị C3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

\* *Ngoài ra trong vụ án còn có:* Bị cáo Giàng Mí A1; bị hại Thò Thị A2, người đại diện hợp pháp cho bị hại Thò Thị A2 là bà Lý Thị C4 nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2021, Thông qua mạng xã hội Zalo nhóm người Mông Hà A3, Giàng Mí A1 dò tìm được số điện thoại của Thò Thị A2, sinh năm 1988, trú tại thôn B5, xã B4, huyện B3, tỉnh Hà Giang, nên đã gọi điện thoại để làm quen và giới thiệu tên giả là Sùng Mí Súng. Đến trưa ngày 12/3/2021, Giàng Mí A1 đi chơi ở thị trấn B3, huyện B3 thì gặp bạn là Thò Mí A. Sau khi gặp nhau A1 hỏi mượn xe máy của A để đi sang xã B4 gặp bạn gái, nhưng A không đồng ý nên A1 đã rủ A đi cùng để tán tỉnh yêu thương rồi lừa đưa sang Trung Quốc bán cho người Trung Quốc; A đồng ý đi cùng A1. Lúc này A1 lấy điện thoại có số thuê bao 0372.176.223 gọi cho A2 và hẹn gặp nhau, sau đó A1 điều khiển xe máy chở A đi đến đầu thôn B5, xã B4 thì dừng xe gọi điện cho A2 hẹn ra gặp mặt, A2 đồng ý, đi bộ ra. Khi gặp nhau, A1 chủ động giới thiệu A là anh trai của mình tên là Sùng Phái Sính, sau khi giới thiệu xong A1 giả vờ đi ra chỗ khác gọi điện thoại đứng đợi, để A trò chuyện với A2 ở ven đường liên thôn, A đã tán tỉnh yêu thương và rủ đi chơi nhưng A2 từ chối không đi, đứng trò chuyện được khoảng 20 phút thì A gọi A1 quay lại để về thị trấn B3 thuê phòng trọ nghỉ. Tại đây, A1 nói với A “A2 hơi già liệu có người mua không” A trả lời “Già thì kệ nó, miễn là bán được tiền, tiền được nhiều hay ít mình chia nhau sau”, do A2 đã nhiều tuổi nên A1 thống nhất để A tán tỉnh A2 dễ tin hơn, đồng thời bảo với A ngày mai sang đó gọi điện cho A2 ra gặp tán tỉnh yêu đương rồi lừa đưa sang đây, A1 sẽ đợi ở đường bê tông phía sau phố cổ, khi đến đó A lấy lý do đi có việc rồi đưa xe máy cho A1 đưa A2 sang Thượng Phùng, B giao cho V và A4 để bán sang Trung Quốc lấy 5.000 nhân dân tệ; A đồng ý nhận lời. Để thuận tiện cho việc liên lạc A1 và A trao đổi điện thoại cho nhau. Đến khoảng 13 giờ ngày 13/3/2021, A dùng điện thoại của A1 số thuê bao 0372.176.223 gọi cho A2 và hẹn gặp để đón đi chơi, A2 đồng ý. A điều khiển xe máy đi từ thị trấn B3 đến đầu thôn B5, xã B4, huyện B3 điện thoại cho A2 nhưng A2 đang đi dự đám

cưới chưa về. A điều khiển xe máy đi đến xã B6, B3 ngồi uống nước đợi, trong lúc này thì A1 gọi điện hỏi đã đón được A2 chưa, đồng thời giục A tiếp tục gọi điện cho A2, A tiếp tục gọi điện cho A2 thì biết được A2 đã về nhà và đồng ý để A đến đón đi chơi. A quay xe lại xã B4 đón A2 đưa lên thị trấn B3, khi đến khu vực đồi thông cách trung tâm thị trấn B3 khoảng 3km, A gọi điện thoại thông báo cho A1 đến gần thị trấn B3, A1 hẹn đi ra đường bê tông phía sau phố cô sẽ đợi ở đó. A chở A2 đi đến điểm hẹn thì gặp A1, dừng xe lại A đã giao xe cho A1 điều khiển, A2 ngồi giữa, A ngồi sau cùng hướng đi xuống thôn B7, thị trấn B3 thì A1 dừng lại, A xuống xe nói với A2 “*Em cứ đi cùng em trai của anh, anh đi có tí việc rồi theo sau*”, A2 không nói gì, A1 tiếp tục điều khiển xe chở A2 hướng xuống sông Nho Quế, đi được một đoạn thì A1 gặp Và A4 đang đứng đợi trên đường cùng một người đàn ông và một người phụ nữ, Và A4 giới thiệu với A1 02 người này đi Trung Quốc làm thuê. Để lừa được A2 đưa sang Trung Quốc, Và A4 nói với A2 “*Đoạn dưới này có chốt kiểm dịch, em không có giấy chứng minh nhân dân sẽ bị họ giữ lại nên phải đi bằng mảng bè qua sông, còn A1 có giấy tờ tùy thân thì cứ đi xe máy qua, rồi hẹn gặp nhau ở trụ sở thôn Tổng Quang Chải*”, sau khi nghe Và A4 nói vậy, mọi người thống nhất theo cách của Và A4. Còn A1 điều khiển xe máy đi qua cầu treo đến trụ sở thôn Tổng Quang Chải đợi, còn Và A4 đưa A2 và 02 người đi làm thuê xuống bờ sông Nho quế, xuống mảng qua sông, đi bộ đến trụ sở thôn Tổng Quang Chải, xã Thượng Phùng, huyện B thì gặp A1. Lúc này trời tối có mưa nên Và A4 dẫn A1, A2 cùng hai người bạn của Và A4 đi bộ theo đường mòn ra giáp biên giới đến một hang đá để trú, Và A4 bảo với A1 ở lại hang đá còn Và A4 đi ra cách 20 mét gọi điện cho người Trung Quốc đến để xem mặt A2 và thỏa thuận giá bán, lúc này A1, A2 và hai người bạn của Và A4 cùng ngủ lại hang đá. Khoảng 04 giờ sáng ngày 14/3/2021 A1 nói với A2 “*A đang đi mua bò, lát nữa sẽ cầm áo rét lên cho A2, điện thoại của anh hết pin, em đưa điện thoại cho anh mượn để gọi cho anh trai*”, A2 đồng ý và đưa điện thoại cho A1, A1 cầm rồi đi ra khỏi hang gặp Và A4 đang đến cửa hang, khi đó Và A4 nói với A1 “*Mày đi về trước đi, để nó ở lại tí tao đưa đi bán, được tiền tao điện cho mày gặp nhau đưa tiền sau*”, A1 đồng ý và đưa điện thoại di động của A2 cho Và A4 cầm rồi đi bộ quay lại lấy xe máy đi về nhà trọ tại thị trấn B3. Khi về đến phòng trọ A1 trả xe máy cho A, thì A hỏi đã bán được A2 chưa, A1 thông báo chưa bán được, do người Trung Quốc chưa đến mua nên A1 về trước, khi bán được Và A4 sẽ điện thoại gặp để lấy tiền, nói xong A1 và A đi về nhà. Chiều ngày 15/3/2021 Và A4 gọi điện thoại cho A1 thông báo A2 đã bỏ trốn và bảo A1 đến gần nhà kiểm tra xem A2 đã về nhà chưa. Sau khi nhận được thông báo của Và A4, A1 điện thoại lại cho A nhưng A không tin và yêu cầu A1 chia số tiền 5.000 nhân dân tệ như đã thỏa thuận với nhau trước đó. A1 đã cho A số điện thoại Và A4 để A liên lạc, nhưng A không liên lạc được. Đối với Thò Thị A2 sau khi A1 cầm điện thoại của A2 bỏ đi, A2 ở lại trong hang và bị canh giữ, quản lý; A2 biết mình bị lừa để đưa sang Trung Quốc bán. Khoảng 17 giờ ngày 15/3/2021, lợi dụng Và A4 mệt ngủ say, A2 đã bỏ trốn ra khỏi hang chạy theo đường mòn thì gặp chốt kiểm soát phòng dịch của lực lượng biên phòng Trung Quốc, sau đó biên phòng Trung Quốc làm việc rồi đưa A2 ra khu vực

biên giới chỉ đường cho về Việt Nam qua khu vực Mốc biên giới 450 thì bị chốt kiểm dịch Biên phòng Xín Cái kiểm tra, sau đó Thò Thị A2 đến Đồn Biên phòng Xín Cái, Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang để trình báo sự việc trên.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2021/HS-ST, ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Thò Mí A phạm tội “Mua bán người”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Thò Mí A 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (12/4/2021).

Ngoài ra, bản án còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Giàng Mí A1 với mức 10 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán người”, buộc trách nhiệm về dân sự, xử lý vật chứng, buộc nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, buộc nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/01/2022 bị cáo Thò Mí A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Thò Mí A trình bày: Bị cáo thừa nhận có việc bị cáo tán tỉnh và chở Thò Thị A2 giao cho Giàng Mí A1 để A1 giao cho người khác làm vợ để lấy số tiền 5.000 nhân dân tệ, nhưng bị cáo không biết được việc A1 bán A2 sang Trung Quốc. Do đó, với mức hình phạt 09 năm tù là quá nghiêm khắc, bị cáo do nhận thức pháp luật bị hạn chế, là người dân tộc thiểu số nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá hành vi phạm tội thấy cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo về tội “Mua bán người” là có căn cứ, đúng pháp luật không oan; khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã xử phạt bị cáo mức án 09 năm tù là phù hợp; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Thò Mí A khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng bị cáo cho rằng chỉ giúp đưa A2 cho A1 mục đích chỉ để gả cho người khác làm vợ và được hứa trả 5.000 nhân dân tệ; bị cáo không biết được A1 đã bán A2 sang Trung Quốc. Tuy nhiên, đối chiếu lời khai các bị cáo trong giai đoạn điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, ngày 12/3/2021 đến ngày 13/3/2021, Giàng Mí A1 đã

bàn bạc cùng với Thò Mí A lừa đưa Thò Thị A2 để giao bán cho Và A4 để đưa sang bán cho người Trung Quốc, được Và A4 hứa trả 5.000 nhân dân tệ. Khi đưa được Thò Thị A2 sang đến đất Trung Quốc lợi dụng sơ hở Thò Thị A2 đã bỏ trốn và gặp Biên phòng Trung Quốc đưa ra khu vực biên giới chỉ đường về Việt Nam. Hành vi đó của bị cáo Thò Mí A đã phạm vào tội “Mua bán người”; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo về tội danh nêu trên theo Điều 150 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương cũng như vùng biên giới giữa 2 nước Việt Nam - Trung Quốc. Hậu quả bị hại đã bị đưa ra khỏi Biên giới Việt Nam và sang địa phận Trung Quốc, nên cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Thò Mí A theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự, với tình tiết “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đã phân hóa đúng vai trò của từng bị cáo trong vụ án; cũng như đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo tự nguyện chấp nhận bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại theo yêu cầu của các bị hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị đưa ra xét xử bằng những hình phạt tù nghiêm khắc, nhưng sau khi chấp hành xong các hình phạt, bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân để sống có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 năm tù là có căn cứ, không cao; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thò Mí A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2021/HS-ST ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều

17, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Thò Mí A 09 (Chín) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/4/2021).

Về án phí: Bị cáo Thò Mí A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 73/2021/HS-ST ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**